

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 421/2021/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn; gồm người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn T - Sinh năm: 1978.

2. Chị Lê Thị L - Sinh năm: 1989.

Cùng địa chỉ: Phố Đ, phường N, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 7 năm 2021, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc dân sự, nội dung cụ thể như sau:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn T và chị Lê Thị L kết hôn năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường R, thành phố H). Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn từ khi cưới cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm cách sống của hai người không hợp, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường hay xảy ra to tiếng cãi nhau, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến nhau. Nay anh, chị đều xét thấy tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn T và chị Lê Thị L.

[2] Về con chung: Anh T và chị L thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức T sinh ngày 07/3/2015.

Ly hôn anh, chị thống nhất việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như sau:

Chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức T. Anh Nguyễn T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu T thành niên.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Anh T và chị L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh, chị thỏa thuận chị L chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn T và chị Lê Thị L.

- *Về con chung:* Anh T và chị L thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức T sinh ngày 07/3/2015.

Ly hôn anh, chị thống nhất việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như sau:

Chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức T. Anh Nguyễn T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu T thành niên.

Hai bên có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm.

- *Về tài sản, công nợ chung:* Anh T và chị L không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị L chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2019/0012617 ngày 29/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H (chị L đã nộp đủ lệ phí).

Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7B và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- UBND phường N, TP H
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Lan Anh